

BẢNG ĐIỂM MÔN TOÁN A2 (Lớp Sáng T7)

Hết môn= $(3*Giữraki+7*Thicuôiki)/10$

STT	Họ Và tên		Ktra	Thi	Hết môn	Ghi chú
1	LÂM CAO QUỐC BẢO	DH10HH	5	5.7	5.5	
2	LÊ QUANG GIA BẢO	DH10SK	0	2	1.4	
3	PHAN NGUYỄN QUỐC BỬU	DH10CC	5	5.2	5.1	
4	ĐƯƠNG THỊ MỘNG CỬA	DH10HH	10	9.2	9.4	
5	ĐƯƠNG THỊ DIỄM	DH09CC	10	7.9	8.5	
6	NGUYỄN THANH DUY	DH10HH	10	10	10.0	
7	NGUYỄN TRẦN CÔNG DUY	DH10OT	5	3.6	4.0	
8	NGUYỄN HUY DŨNG	DH09TD	10	7.9	8.5	
9	NGUYỄN NGỌC THUỶ HÀ	DH09HH	7	7.3	7.2	
10	LÊ HỮU HÙNG	DH10HH	7	5.6	6.0	
11	ĐỖ MẠNH HÙNG	DH09DT	5	6.5	6.1	
12	ĐỖ ĐỨC HẠNH	DH10HH	4	5	4.7	
13	NGUYỄN MINH HẢI	DH09OT	5	2.4	3.2	
14	TRẦN NGUYỄN HỒNG HẢI	DH10NL	8	7.6	7.7	
15	TRẦN CAO HIẾU	DH10HH	7	7.4	7.3	
16	MAI THANH HIỀN	DH10NL	4	6.4	5.7	
17	BÙI VĂN HIỂN	DH10GB	8	9.2	8.8	
18	ĐỖ THỊ HOA	DH10HH	10	6	7.2	
19	LÊ MINH HOÀNG	DH10DC	8	8.8	8.6	
20	NGUYỄN THỊ NHUNG HUYỀN	DH09CC	9	7.1	7.7	
21	NGÔ VĂN KHẢI	DH09DT	8	6.9	7.2	
22	ĐOÀN KIM KHOA	DH10NL	7	7	7.0	
23	BẠCH THỊ KIM	DH09HH	10	7.9	8.5	
24	LÊ HOÀNG LAM	DH10HH	6	7.7	7.2	
25	NGUYỄN THỊ LỜI	DH10HH	9	8.3	8.5	
26	PHAN NGUYỄN LỢI	DH09DT	5	6	5.7	
27	BÙI THỊ LÝ	DH10HH	10	9.1	9.4	
28	NGUYỄN ĐÌNH LINH	DH10CC	5	2.8	3.5	
29	NGUYỄN TRƯỜNG LONG	DH09OT	4	4.9	4.6	
30	NGUYỄN TRƯỜNG LONG	CD09TH	V	v	#####	

31	NGUYỄN ĐÌNH LONG	DH10CC	7	5.6	6.0	
32	PHẠM NGUYỄN ĐĂNG LONG	DH10HH	8	7.4	7.6	
33	VÕ THỊ LIÊN NGA	DH10HH	9	8.8	8.9	
34	LÊ THỊ HỒNG NGÂN	DH10HH	8	6.6	7.0	
35	TRẦN THỊ KIM NGÂN	DH09HH	9	7	7.6	
36	VÕ LUƠNG NGHI	DH09HH	4	6.4	5.7	
37	NGÔ HỮU NGHĨA	DH10NL	6	8.8	8.0	
38	VÕ TRỌNG NGHĨA	DH10CC	4	4.4	4.3	
39	LÊ THỊ THU NGUYỆT	DH10HH	7	5.8	6.2	
40	HỒ MINH NHÂN	DH09CK	10	7.8	8.5	
41	PHẠM HỒNG NHẬT	DH10HH	5	7.1	6.5	
42	MAI HỒNG PHÚC	DH09GB	8	7.5	7.7	
43	HỒ TẤN PHONG	DH10OT	7	9.2	8.5	
44	QUÁCH MINH PHƯỢNG	DH09HH	9	8.3	8.5	
45	TRẦN HOÀNG PHƯỢNG	DH09HH	4	6.4	5.7	
46	NGUYỄN LÊ ANH QUỐC	CD09TH	4	3.2	3.4	
47	LƯƠNG MAI QUỲNH	DH09CC	2	5.2	4.2	
48	HUỲNH THỊ KIM QUÝ	DH10GB	5	4.1	4.4	
49	HUỲNH VĂN SANG	CD08TH	0	4.4	3.1	
50	ĐẶNG ĐÌNH SOÁI	DH09HH	2	6.1	4.9	
51	NGUYỄN HỮU TRÚC SƠN	CD09TH	0	6	4.2	
52	TRẦN ĐÌNH SƠN	DH09OT	0	6	4.2	
53	TRƯƠNG KHÁNH SƠN	DH10HH	3	2.4	2.6	
54	NGUYỄN THỊ TÂM	DH10HH	9	8.8	8.9	
55	VŨ VĂN TÍNH	DH10HH	2	7.2	5.6	
56	ĐÀO XUÂN TÙNG	DH10HH	8	4.4	5.5	
57	VĂN TIỀN THÀNH	DH10OT	7	5	5.6	
58	ĐỖ NGỌC THÀNH	CD10CI	6	v	#####	
59	HUỲNH VĂN THÔNG	DH09OT	8	3.2	4.6	
60	NGUYỄN THỊ THUỶ	DH09CC	4	6.2	5.5	
61	TRẦN THANH THUỶ	DH10TD	v	v	#####	
62	TRẦN THỂ THẮNG	CD09TH	7	5	5.6	
63	ĐÌNH CHIẾN THẮNG	DH10CK	6	7.1	6.8	
64	ĐẶNG THỊ MỸ THIÊN	DH10TD	6	3.4	4.2	
65	CAO NGỌC ANH THU'	DH10HH	10	8	8.6	

66	TRẦN VĂN HOÀI THƯƠNG	DH09HH	3	7.5	6.2	
67	NGUYỄN THỊ MINH TRANG	DH10HH	10	7.8	8.5	
68	ĐINH VĂN TRANG	DH10HH	10	7.9	8.5	
69	PHẠM THỊ THUỶ TRÂM	DH10HH	7	5.5	6.0	
70	DƯƠNG VĂN TRUNG	DH09OT	2	2.8	2.6	
71	NGUYỄN TUẤN TRUNG	DH09CD	6	7.6	7.1	
72	TRẦN NHẬT TRƯỜNG	DH10HH	10	9.1	9.4	
73	TRẦN THANH TRƯỜNG	DH10NL	5	4.5	4.7	
74	DƯƠNG THỊ VÂN	DH09HH	8	6	6.6	
75	NGUYỄN TẤN VŨ	DH10HH	V	V	#####	
76	PHAN TRUNG YÊN	DH10OT	5	5.8	5.6	
77	NGUYỄN HỮU ĐÔ	DH09OT	4	7	6.1	
78	HỒ XUÂN ĐẠO	DH09CD	3	7.2	5.9	
79	PHẠM QUỐC ĐẠT	DH09HH	4	4	4.0	
80	ĐẶNG QUYẾT ĐỊNH	DH10NL	V	V	#####	
81	ĐỖ VIỆT ĐỊNH	DH10NL	4	7.2	6.2	
82	ĐỖ XUÂN ĐỊNH	DH09HH	9	9.2	9.1	
83	NGUYỄN DUY ĐỨC	DH10HH	V	V	#####	
84	TRẦN THỊ PHƯƠNG DUNG	DH09GI	6	V	#####	
85	NGÔ ĐÌNH TRƯỜNG	CD07TH			6.0	Hệ niên chế